

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/DS - PT

Ngày 25 - 9 - 2024

V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quyết Thắng

Các Thẩm phán: Ông Đặng Phi Long

Ông Lương Văn Đài

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2024/TLPT-DS ngày 21/8/2024 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai bị kháng nghị, kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1440/2024/QĐ-PT ngày 29/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Thanh S

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện M, Hà Nội (Vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Cù Văn C

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện T, Hải Phòng (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Phạm Thanh H

Địa chỉ: TDP Phú Thành 4, TT P, huyện B, tỉnh Lào Cai. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Anh Trần Xuân Tuấn

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai (Có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị H1

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện T, Hải Phòng. (Vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Đặng Thị H1: Bà Trần Thị T

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng. (Có mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn chị Phạm Thanh H.

5. Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 14/QĐ-VKS-DS ngày 15/8/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 16/10/2023, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Thanh S và người đại diện theo uỷ quyền của anh S trình bày:

Khoảng cuối năm 2021 đầu năm 2022 anh Trần Thanh S có nhu cầu mua một mảnh đất tại khu vực huyện B, tỉnh Lào Cai để kinh doanh. Anh có trao đổi nói chuyện với bà Đặng Thị H1 và bà H1 có trao đổi lại sẽ tìm giúp anh. Một thời gian sau bà H1 liên lạc lại thông báo có con gái của một người quen của bà H1 là chị Phạm Thanh H sinh sống tại thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai muốn bán mảnh đất tại thị trấn P, huyện B. Sau khi trao đổi chị H nói mảnh đất là của sếp chị H, nếu muốn mua thì chị H giới thiệu với sếp.

Sau khi xem xét anh S quyết định mua mảnh đất đó và nhờ bà Đặng Thị H1 trao đổi lại với chị H. Do thời điểm tháng 01/2022 bà H1 đang ở nước ngoài, dịch Covid-19 đang bùng phát không thể về nước ngay được nên chị H yêu cầu anh chuyển số tiền là 400.000.000 đồng để đặt cọc. Mảnh đất khoảng 200m² giá 22.500.000đ/ m², đến tháng 3/2022 khi bà H1 về nước thì anh S sẽ cùng chị H1 lên hoàn tất thủ tục sang tên. Vì vậy ngày 10/01/2022 anh đã chuyển cho chị H số tiền 400.000.000 đồng qua số tài khoản ngân hàng 8807205082412 Ngân hàng Agribank Việt Nam chi nhánh huyện B Lào Cai để đặt cọc. Tuy nhiên sau đó chị H đã không mua được mảnh đất, anh S nhiều lần yêu cầu chị chuyển trả lại số tiền 400.000.000 đồng nhưng chị không trả. Việc trao đổi, thoả thuận giữa các bên không lập thành văn bản, chỉ thông qua tin nhắn và điện thoại. Vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị H phải trả lại anh số tiền 400.000.000 đồng.

Đối với bị đơn chị Phạm Thanh H trình bày:

Chị không thực hiện giao dịch chuyển nhượng đất với anh Trần Thanh S, không nhận được thông tin trao đổi nào về việc anh S nhờ bà H1 đứng ra mua bán đất thay anh S. Thực tế, chị có giới thiệu cho bà H1 mảnh đất của chị là Lô 14-15 đường trần Quang Khải, thị trấn P với giá cả hai lô là 2,6 tỷ đồng, hai lô đất đều đứng tên GCN QSDĐ của chị. Chị đã yêu cầu bà H1 đặt cọc tiền 400.000.000 đồng, do bà H1 đang ở nước ngoài nên nhờ bà Trần Thị Hải, bà Hải nhờ anh S1 chuyển tiền, anh S1 nhờ anh Trần Thanh S chuyển. Sau khi nhận đặt cọc chị đề nghị bà H1 về nước thực hiện nốt thủ tục chuyển nhượng đất. Ngày 26/01/2022 bà H1 lên Lào Cai và các bên lên Văn phòng công chứng L tại thành phố L để làm hợp đồng chuyển nhượng. Khi lên văn phòng công chứng, bà H1 chưa giao tiền

cho chị nhưng đã yêu cầu chị ký giấy giao nhận tiền nên chị không đồng ý. Sau đó, do chị thiếu giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và thời gian làm việc buổi trưa tại văn phòng đã hết nên các bên ra về để chiều quay lại làm việc tiếp. Trong thời gian đó bà H1 gọi điện thoại thông báo không nhận chuyển nhượng đất nữa. Sau đó 8 tháng sau chị có nhận được điện thoại của anh Trần Thanh S yêu cầu trả lại số tiền 400.000.000 đồng do chuyển nhầm. Chị cho rằng giao dịch đặt cọc và nhận chuyển nhượng là của chị với bà H1 không liên quan tới anh Trần Thanh S và cho rằng anh S không có quyền khởi kiện.

Tại phiên tòa ngày 17/6/2024 người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn anh Trần Xuân T trình bày: Chị Phạm Thanh H không có giao dịch gì với anh Trần Thanh S, anh S chỉ là người chuyển tiền hộ bà H1. Do đó yêu cầu của anh S là không có căn cứ và đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị H1 trình bày:

Do bà H1 quen biết với anh Trần Thanh S, anh S nhờ bà H1 tìm mua hộ một mảnh đất tại huyện B. Khi đó bà H1 biết chị Phạm Thanh H đang rao bán mảnh đất tại huyện B nên có trao đổi lại và anh S nhờ bà liên lạc trao đổi với chị H về việc nhận chuyển nhượng đất. Qua nhiều lần nói chuyện, chị H nói mảnh đất là của sếp chị nếu muốn lấy thì phải đặt cọc trước số tiền 400.000.000 đồng. Ngày 10/01/2022 chị H yêu cầu chuyển tiền đặt cọc, vì chị H là con gái của bạn bà H1 và làm ở cơ quan nhà nước nên bà H1 tin tưởng bảo anh S cứ chuyển tiền theo yêu cầu của chị H. Bà H1 đã cho chị H số điện thoại của anh S để liên lạc và anh S đã chuyển qua ngân hàng cho chị H số tiền 400.000.000 đồng, các bên hẹn đến tháng 3 sẽ gặp nhau làm hợp đồng chuyển nhượng đất. Sau đó anh S nhờ bà nhắn chị H chụp cho anh xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chị H không chụp mà chỉ gửi ảnh view đất.

Đến ngày hôm sau 11/01/2022, chị H điện thoại nói với bà H1 là sếp chị yêu cầu phải làm hợp đồng chuyển nhượng ngay, nếu không sẽ không bán nữa, vì vậy anh S nghi ngờ. Do dịch bệnh Covid-19 anh S đang ở Bình Dương không thể ra ngay để làm hợp đồng được, vì vậy chị H nói sẽ chấm dứt hợp đồng. Bà H1 ngại với bố chị H và ngại với anh S nên bà tự quyết định sẽ mua lại mảnh đất của chị H bán và tự ý sử dụng số tiền 400.000.000 đồng của anh S để nhận chuyển nhượng đất. Vì vậy ngày 24/01/2022 bà H1 về nước, chị H chụp gửi cho bà xem 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị H, không phải sếp chị như lời chị nói. Ngày 25/01/2022 bà lên Lào Cai gặp chị H, qua tìm hiểu bà biết giá chuyển nhượng 02 mảnh đất quá cao, nhận thấy mình bị lừa nên bà không đồng ý nhận chuyển nhượng nữa.

Bà H1 cho rằng bà chỉ là người trung gian giữa anh Trần Thanh S với chị H, số tiền 400.000.000 đồng không phải là tiền của bà nên bà đề nghị chị H trả lại tiền cho anh S. Mọi giao dịch giữa các bên chỉ thông qua điện thoại, tin nhắn zalo, không lập thành văn bản và không có ai làm chứng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh S

Buộc chị Phạm Thanh H phải trả lại cho anh Trần Thanh S số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 29/7/2024, Bị đơn chị Phạm Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng hủy bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện B và đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn không có quyền khởi kiện.

Ngày 15/8/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 14/QĐ-VKS-DS đối với toàn bộ Bản án. Đề nghị HĐXX hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện B và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX Căn cứ khoản 4 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện B và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về hình thức Đơn kháng cáo của Bị đơn chị Phạm Thanh H và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai, có đầy đủ nội dung, đúng thẩm quyền, nộp đúng thời hạn theo quy định của pháp luật, là căn cứ để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét nội dung vụ án.

Theo lời khai của phía nguyên đơn thì vào khoảng cuối năm 2021 đầu năm 2022 anh S có nhu cầu mua đất. Anh đã trao đổi, nhờ bà H1 tìm đất giúp. Sau đó

bà H1 thông báo có con gái của một người quen là chị H muốn bán mảnh đất nên bảo Anh S chuyển tiền đặt cọc, ngày 10/01/2022 anh S đã chuyển cho chị H số tiền 400.000.000 đồng qua tài khoản để đặt cọc đất. Về phía bà H1 cho rằng, sau khi anh S đặt cọc tiền đất thì ngày 11/01/2022, chị H điện thoại nói là phải làm hợp đồng chuyển nhượng ngay, nếu không sẽ không bán nữa. Do dịch bệnh Covid-19 anh S đang ở Bình Dương không thể ra ngay để làm hợp đồng được, vì vậy chị H nói sẽ chấm dứt hợp đồng. Bà H1 ngại với Bố chị H và ngại với anh S nên bà tự quyết định sẽ mua lại mảnh đất của chị H bán và tự ý sử dụng số tiền 400.000.000 đồng của anh S để nhận chuyển nhượng đất. Vì vậy ngày 24/01/2022 chị H chụp ảnh gửi cho bà xem 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị H. Ngày 25/01/2022 bà H1 lên Lào Cai xem đất; đến ngày 26/01/2022 thì cùng chị H ra văn phòng công chứng làm thủ tục chuyển nhượng nhưng không thành.

Bị đơn chị H cho rằng việc trao đổi, thỏa thuận chuyển nhượng đất trên là do chị và bà H1 thực hiện, không liên quan gì đến anh S, chị thừa nhận có nhận được 400.000.000 đồng từ tài khoản của anh S chuyển đến, nhưng đây là tiền do bà H1 nhờ chuyển để đặt cọc đất.

Căn cứ vào lời khai và toàn bộ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Mặc dù anh S cho rằng việc mua đất là do anh nhờ bà H1 tìm mua đất hộ, tuy nhiên ngoài lời khai của anh S ra không có tài liệu chứng nào chứng minh việc này. Bản thân anh S cũng không xác định được địa chỉ, đặc điểm của diện tích mà anh cho rằng đã nhờ bà H1 mua.

Toàn bộ việc trao đổi, thỏa thuận, giao dịch chuyển nhượng đất và đặt cọc tiền là do bà H1 và chị H thực hiện với nhau thông qua gọi điện và tin nhắn trên zalo. Thể hiện trên các tài liệu: Đơn trình báo của bà H1 với cơ quan CSĐT công an huyện B tố cáo chị H có hành vi lừa đảo; Biên bản lấy lời khai của bà H1; Biên bản đối chất, tin nhắn zalo.... Hơn nữa, trong các ngày 24, 25/01/2022 bà H1 đã được xem GCNQSDĐ, xem hiện trạng đất, thống nhất giá cả, phương thức thanh toán và ngày 26/01/2022 bà H1 và chị H đã cùng nhau đến Văn phòng công chứng để làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng không thành. (*toàn bộ việc này anh S đều không có mặt và không biết*).

Về phía chị H khẳng định không quen biết và không có bất cứ giao dịch nào với anh S. Việc anh S chuyển số tiền 400.000.000 đồng vào tài khoản của chị H là theo yêu cầu của bà H1.

Như vậy thấy rằng: Việc Tòa án sơ thẩm xác định đây là Tranh chấp kiện đòi tài sản theo Điều 166 BLDS là không đúng: Vì:

Điều 166 BLDS quy định “*Chủ sở hữu... có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu không có căn cứ pháp luật...*” Trong vụ án này, việc chị H nhận số tiền 400.000.000 đồng không phải là việc chiếm hữu không có căn pháp luật. Bởi lẽ, anh S cho rằng thông qua bà H1 nên anh đã đặt cọc 400 triệu để mua đất; Bà H1 cho rằng, vì ngại làm phiền bố chị H và ngại với anh S nên tự quyết định sẽ mua lại mảnh đất của chị H và sử dụng số tiền 400.000.000 đồng của anh S để nhận chuyển nhượng đất (việc này anh S cũng đồng ý -BL113). Điều này phù hợp với nhiều tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với sự kiện pháp lý thực tế là bà

H1 đã trực tiếp đi xem đất; thông nhất giá cả, phương thức thanh toán... và đến văn phòng công chứng lập hợp đồng nhận chuyển nhượng đất với chị H. Ngoài ra, trong nhiều bản khai bà H1 đều cho rằng, do đang ở nước ngoài nên đã nhờ bà Hải, rồi bà Hải lại nhờ anh S chuyển tiền hộ; Trong tin nhắn zalo giữa chị H và bà H1 cũng thể hiện nội dung này.

Trong quá trình xét xử phúc thẩm, phía bị đơn cung cấp tài liệu chứng cứ mới, đó là: Văn bản số 99/2024/VB-TPLTS ngày 28/8/2024 của Văn phòng thừa phát lại Thành đô (địa chỉ TP Lào cai): v/v lập Vi bằng ghi nhận sự kiện, hành vi, diễn biến về quá trình thỏa thuận, ký hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà H1 và chị H, có sự chứng kiến của anh La Văn P, anh Phạm Hoàng H. Nội dung thể hiện ngày 26/01/2024 anh P, anh H chứng kiến và thấy bà H1 và chị H thỏa thuận “...giá đất chuyển nhượng là 2.350.000.000 đồng, sau khi trừ đi 400.000.000 đồng mà bà H1 đã nhờ anh S đặt cọc hộ theo yêu cầu của bà H1; đồng thời bà H1 sẽ giữ lại 100.000.000 đồng để khi nào chị H sáng tên sẽ thanh toán hết. Nên bà H1 hôm nay sẽ chuyển khoản tiếp cho chị H1 1.850.000.000 đồng...”

Như vậy thấy rằng, số tiền 400.000.000 đồng là tiền dùng vào việc đặt cọc để thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

[3] Xét về các nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai:

Đối với vi phạm về điều kiện, thủ tục, thời gian thụ lý vụ án: HĐXX phúc thẩm thấy rằng: Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu thì anh Trần Thanh S đã sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện theo yêu cầu của Tòa án và có cung cấp chứng cứ ban đầu thể hiện quyền, lợi ích của mình bị xâm phạm; thực hiện thủ tục hòa giải, đối thoại theo quy định. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục thụ lý vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với vi phạm về tố tụng khi ban hành Thông báo thay đổi về mối quan hệ pháp luật. HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Trong quá trình ngừng phiên tòa, việc Thẩm phán ký Thông báo xác định lại mối quan hệ pháp luật tranh chấp là không đúng thẩm quyền. Vì, việc quyết định xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc sai sót này cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ: Như những phân tích, đánh giá tại phần trên của HĐXX phúc thẩm, nên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đối với nội dung này là có căn cứ pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thanh H:

Chị Phạm Thanh H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Kiện đòi tài sản*” là chưa đúng theo quy định của pháp luật. Chị H không lấy tài sản hay chiếm hữu bất kì hình thức tài sản nào của anh Phạm Thanh S, do vậy anh S không có quyền khởi kiện.

Xét thấy, nội dung kháng cáo của bị đơn trùng với lý do kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai, do vậy có căn cứ chấp nhận.

Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đặc biệt là trong quá trình xét xử phúc thẩm, bị đơn đã cung cấp thêm chứng cứ mới. Kháng định số tiền 400.000.000 đồng mà chị H đã nhận từ tài khoản của anh S chuyển đến, đây là tiền do các bên đặt cọc để thực hiện việc chuyển nhượng đất. Do vậy số tiền này không phải chị H chiếm hữu không có căn cứ pháp luật của anh S. Cho nên anh S không có quyền khởi kiện đòi chị H số tiền trên theo quy định Điều 166 BLDS như Bản án sơ thẩm đánh giá. Anh S có quyền đòi lại tài sản của mình trong vụ án tranh chấp hợp đồng đặt cọc nếu các bên có tranh chấp hoặc được xử lý trong giao dịch dân sự giữa anh S và bà H1.

[5] Về án phí: Do kháng cáo, kháng nghị được chấp nhận, nên người kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; Điều 311; khoản 4 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai và Kháng cáo của bị đơn chị Phạm Thanh H. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ số 08/2024/DS-ST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai. Đình chỉ giải quyết vụ án phúc thẩm thụ lý số 28/2024/TLPT-DS ngày 21/8/2024 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” của TAND tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Phạm Thanh H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm. Trả lại 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23P, số 0000987 ngày 01/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự B, tỉnh Lào Cai.

Anh Trần Thanh S được hoàn trả lại 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai theo Biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23P, số 0000782 ngày 22/12/2023.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Người BV Q&LI HP;
- Lưu VT, HSVA.

Trương Quyết Thắng